

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn;

Bà Trần Thị Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1064/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1186/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Q, trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải phòng, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Đào Quang M, trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Quang M xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 8 năm 2007 tại Ủy ban

nhân dân xã A, huyện A, Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn T, xã A, huyện A, Hải Phòng. Vợ chồng chung sống có 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh M chơi bời cờ bạc, không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau, sống không tôn trọng nhau nên nhiều lần xảy ra đánh chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình kết hợp hòa giải nhưng không có kết quả. Tuy vợ chồng đang sống chung một nhà nhưng không còn tình cảm với nhau, việc ai người đó làm không quan tâm đến nhau. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn nặng nề chị không thể chịu đựng được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Quang M.

Về con chung: Chị và anh Đào Quang M có 02 con chung là Đào Minh T, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2008 và Đào Tuấn K, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2016. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Q trình bày chị tự thỏa thuận với anh Đào Quang M, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Q trình bày chị và anh M không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Đào Quang M thể hiện: Anh nhất trí với lời khai chị Trịnh Thị Q về thời gian và điều kiện kết hôn vợ chồng. Quá trình chung sống đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Q bỏ nhà đi và anh nghe dư luận chị Q có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng anh không bắt được quả tang. Đến năm 2014 chị Q lại quay về chung sống với anh nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau, sống không tôn trọng nhau, không có sự quan tâm đến nhau. Nay chị Q xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh nhất trí vợ chồng có 02 con chung và họ, tên, tuổi các con như chị Q trình bày. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con Đào Minh T và nhường chị Q nuôi con Đào Tuấn K. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Anh M trình bày anh tự thỏa thuận với chị Q, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh M trình bày anh và chị Q không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Trịnh Thị Q đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Đào

Quang M nhận thông báo thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trịnh Thị Q đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Đào Quang M không đến tham gia tố tụng tại phiên phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Trịnh Thị Q được ly hôn anh Đào Quang M; về con chung: Giao con Đào Minh T cho anh Đào Quang M nuôi dưỡng; giao con Đào Tuấn K cho chị Trịnh Thị Q nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị Q và anh M không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Trịnh Thị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Đào Quang M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đào Quang M.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Q và anh Đào Quang M xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 8 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau. Vợ chồng không có sự tin tưởng nhau về tình cảm. Tuy sống chung một nhà nhưng chị Q và anh M đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Q và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Q đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh M, anh M không có mặt tại phiên tòa nhưng anh M có lời khai đồng ý ly hôn chị Q nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trịnh Thị Q và anh Đào Quang M có 02 con chung là Đào Minh T, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2008 và Đào Tuấn K, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2016. Tại phiên tòa chị Q đề nghị được nuôi con Đào Tuấn K và chị nhường anh M nuôi con Đào Minh T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Căn cứ vào các tài liệu xác minh cho thấy chị Q và anh M đều là lao động tự do, có thu nhập và có nơi ở ổn định đảm bảo nuôi con; cháu Đào Minh T trên 7 tuổi có đơn đề nghị được ở với anh M, cháu Đào Tuấn K dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho chị Trịnh Thị Q nuôi con Đào Tuấn K; giao anh Đào Quang M nuôi con Đào Minh T là phù hợp và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Q và anh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trịnh Thị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Trịnh Thị Q được ly hôn anh Đào Quang M.

2. Về con chung: Giao con Đào Minh T, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2008 cho anh Đào Quang M nuôi dưỡng; giao con Đào Tuấn K, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2016 cho chị Trịnh Thị Q nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016863 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị Q đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Trịnh Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Đào Quang M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn